EXIMBANK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....TP.HCM..... ngày...23...tháng...03.....năm.2023

TỜ TRÌNH

V/V THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT, RIÊNG LẺ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2022

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Nghị định 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Eximbank");
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2022 của Eximbank đã được Công ty TNHH Ernst &Young Việt Nam kiểm toán.

Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") các nội dung như sau:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất, riêng lẻ năm 2022 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Báo cáo tài chính riêng lẻ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1	**Tổng tài sản**	**185.309.066**
2	**Vốn chủ sở hữu**	**20.445.049**
	Trong đó: Vốn điều lệ	*12.355.229*
3	**Lợi nhuận trước thuế**	3.707.691
4	**Lợi nhuận sau thuế**	2.944.377

Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Toà nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp.HCM, Việt Nam
(84-28) 3821 0056 (84-28) 3821 6913 Swift: EBVIVNVX www.eximbank.com.vn

1.2. Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1	**Tổng tài sản**	**185.056.051**
2	**Vốn chủ sở hữu**	**20.479.900**
	Trong đó: Vốn điều lệ	*12.355.229*
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**3.709.066**
4	**Lợi nhuận sau thuế**	**2.945.752**

(Bản tóm tắt BCTC hợp nhất và BCTC riêng lẻ năm 2022 đính kèm tờ trình)

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC riêng lẻ	BCTC hợp nhất
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	A	3.707.691	3.709.066
2	**Thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	**763.314**	**763.314**
3	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**C=A-B**	**2.944.377**	**2.945.752**
4	**Trích lập các quỹ**	**D=E+F+G**	**641.656**	**641.656**
4.1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	E=C*5%	147.219	147.219
4.2	Quỹ dự phòng tài chính (10%)	F=C*10%	294.437	294.437
4.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế)	G=C*7%	200.000	200.000
5	**Lợi nhuận còn lại của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ**	**H=C-D**	**2.302.721**	**2.304.096**

(4.1) Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (BCTC hợp nhất) = 5% Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng + 5% Lợi nhuận sau thuế của công ty con AMC.

(4.2) Trích Quỹ dự phòng tài chính (BCTC hợp nhất) = 10% Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng + 10% Lợi nhuận sau thuế của công ty con AMC.

3. Phương án chia cổ tức:

Căn cứ Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 17/01/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2023, qua đó Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo như sau: "*các TCTD đang có*

xếp hạng từ mức trung bình trở xuống hoặc mức vốn điều lệ thấp hơn mức vốn điều lệ mục tiêu theo quy định tại Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ không chia cổ tức bằng tiền mặt".

Căn cứ Quyết định 689/QĐ-TTg ngày 08/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "*Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025*" định hướng mục tiêu vốn điều lệ đối với nhóm Ngân hàng thương mại trong nước có tiềm lực tài chính, năng lực cạnh tranh, quy mô lớn thì Vốn điều lệ tối thiểu đạt 15.000 tỷ đồng.

Hiện nay, sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 thì Vốn điều lệ của Eximbank là 14.814 tỷ đồng. Do vậy, Eximbank cần thiết phải tăng vốn điều lệ thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu nhằm đảm bảo đạt mức vốn điều lệ mục tiêu theo tinh thần của Quyết định 689/QĐ-TTg ngày 08/06/2022.

Phương án chia cổ tức như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC Riêng lẻ
1	Lợi nhuận còn lại lũy kế các năm trước	A	477.942
2	Hủy 4.625 cổ phiếu lẻ khi thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.	B	46
3	**Lợi nhuận còn lại lũy kế các năm trước (sau khi hủy 4.625 cổ phiếu lẻ khi phát hành cổ phiếu chi để trả cổ tức)**	**C=A+B**	**477.988**
4	Lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ	D	2.302.721
5	**Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2022 sau khi trích lập các quỹ**	**E=C+D**	**2.780.709**
6	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	F	2.655.567
7	Tỷ lệ		18%
8	**Lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau khi chia cổ tức (*)**	**G=E-F**	**125.142**

(*) Lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau khi chia cổ tức được giữ lại để củng cố và nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng.

4. Đề xuất của Hội đồng Quản trị

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

i. Báo cáo tài chính riêng lẻ, Báo cáo tài chính hợp nhất của Eximbank năm 2022 đã được kiểm toán.

ii. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

iii. Phương án chia cổ tức.

iv. Giao/ Ủy quyền cho HĐQT thực hiện điều chỉnh số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được thông qua nêu trên theo yêu cầu của Cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan quản lý Nhà nước (nếu có).

v. Giao/ Ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 và thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ.

vi. Giao/ Ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án tăng vốn điều lệ phát hành cổ phần để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Lương Thị Cẩm Tú

Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12203828/66772948-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Ngân hàng") và công ty con được lập ngày 17 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 78 bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

A member firm of Ernst & Young Global Limited

	Thuyết minh	*Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng*
TÀI SẢN			
Tiền mặt và vàng	**5**	**2.125.863**	**1.936.330**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	**6**	**5.584.541**	**3.392.981**
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		**26.046.802**	**25.206.015**
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	26.046.802	25.206.015
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	**8**	**120.182**	**4.262**
Cho vay khách hàng		**129.196.168**	**113.308.080**
Cho vay khách hàng	9	130.505.614	114.674.630
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10.1	(1.309.446)	(1.366.550)
Chứng khoán đầu tư		**16.074.579**	**15.880.578**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	2.112.868	7.354.411
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2, 11.3	14.106.857	8.652.217
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	11.4	(144.146)	(126.050)
Tài sản cố định		**3.271.085**	**3.357.843**
Tài sản cố định hữu hình	*12.1*	*703.560*	*778.868*
Nguyên giá tài sản cố định		2.043.820	2.095.986
Hao mòn tài sản cố định		(1.340.260)	(1.317.118)
Tài sản cố định vô hình	*12.2*	*2.567.525*	*2.578.975*
Nguyên giá tài sản cố định		2.872.711	2.842.792
Hao mòn tài sản cố định		(305.186)	(263.817)
Tài sản Có khác		**2.636.831**	**2.745.907**
Các khoản phải thu	13.1	1.298.858	1.360.362
Các khoản lãi, phí phải thu	13.2	982.699	983.175
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	18.2	20.548	9.545
Tài sản Có khác	13.3	800.697	815.804
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	13.4	(465.971)	(422.979)
TỔNG TÀI SẢN		**185.056.051**	**165.831.996**

	Thuyết minh	*Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng*
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	**14**	**24.261**	**29.184**
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		24.261	29.184
Tiền gửi và vay các TCTD khác	**15**	**11.893.026**	**7.615.859**
Tiền gửi của các TCTD khác	15.1	9.421.326	7.615.859
Vay các TCTD khác	15.2	2.471.700	-
Tiền gửi của khách hàng	**16**	**148.614.571**	**137.373.791**
Các khoản nợ khác		**4.044.293**	**3.028.254**
Các khoản lãi, phí phải trả	17.1	2.489.667	2.301.087
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.2	1.554.626	727.167
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**164.576.151**	**148.047.088**
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn			
Vốn điều lệ		12.355.229	12.355.229
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		15.396	15.396
Thặng dư vốn cổ phần		156.322	156.322
Cổ phiếu quỹ		(78.273)	(78.273)
Các quỹ dự trữ		**2.572.222**	**2.130.576**
Lợi nhuận chưa phân phối		**5.459.004**	**3.205.658**
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	**19.1**	**20.479.900**	**17.784.908**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**185.056.051**	**165.831.996**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	*Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng*
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	32	34.267.028	*57.310.697*
- Cam kết giao dịch hối đoái		28.234.905	49.959.474
Cam kết mua ngoại tệ		*252.910*	*606.771*
Cam kết bán ngoại tệ		*315.673*	*112.459*
Cam kết giao dịch hoán đổi		*27.666.322*	*49.240.244*
- Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		1.975.802	3.587.696
- Bảo lãnh khác		3.884.758	3.597.539
- Các cam kết khác		171.563	165.988
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	33	26.073.275	16.225.692
Nợ khó đòi đã xử lý	34	12.804.171	12.853.285
Tài sản và chứng từ khác	35	344.993	398.233

Người lập: Người kiểm soát: Người phê duyệt:

Ông Trương Hoàng Tín
Phó phòng
Kế toán Tổng hợp & Thuế

Ông Lã Quang Trung
Kế toán Trưởng

Ông Trần Tấn Lộc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	12.170.179	10.084.491
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(6.578.208)	(6.560.189)
Thu nhập lãi thuần		**5.591.971**	**3.524.302**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.118.987	952.613
Chi phí hoạt động dịch vụ		(605.172)	(519.748)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**23**	**513.815**	**432.865**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**24**	**606.104**	**394.214**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**25**	**87.550**	**99.397**
Thu nhập từ hoạt động khác		530.862	270.604
Chi phí hoạt động khác		(47.880)	(16.772)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**26**	**482.982**	**253.832**
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	**27**	**5.643**	**4.739**
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		**7.288.065**	**4.709.349**
Chi phí cho nhân viên		(2.181.160)	(1.562.230)
Chi phí khấu hao		(140.056)	(144.741)
Chi phí hoạt động khác		(1.154.203)	(807.188)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	**28**	**(3.475.409)**	**(2.514.159)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**3.812.656**	**2.195.190**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(103.590)	(990.124)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		**3.709.066**	**1.205.066**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(774.317)	(203.673)
Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	18.2	11.003	(35.956)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**18.1**	**(763.314)**	**(239.629)**
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		**2.945.752**	**965.437**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(đồng/cổ phiếu)*	**20**	**2.396**	**728**

Người lập:

Ông Trương Hoàng Tín
Phó phòng
Kế toán Tổng hợp & Thuế

Người kiểm soát:

Ông Lã Quang Trung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Trần Tấn Lộc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

	Thuyết minh	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		12.137.627	10.171.222
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(6.442.933)	(6.678.241)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		513.815	432.865
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng, ngoại tệ		804.012	407.424
Thu nhập khác		10.806	2.504
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	26	469.632	247.063
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(2.977.086)	(2.333.341)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	18	(628.234)	(293.073)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		**3.887.639**	**1.956.423**
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		6.787.903	(1.090.690)
(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(115.920)	44.811
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(15.830.984)	(11.874.743)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(166.623)	(1.719.898)
Giảm khác về tài sản hoạt động		197.704	408.210
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
Giảm các khoản nợ NHNN Việt Nam		(4.923)	(4.621)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		4.277.167	1.295.497
Tăng tiền gửi của khách hàng		11.240.780	3.456.051
Tăng/(giảm) khác về nợ phải trả hoạt động		125.232	(182.185)
Chi từ các quỹ		(10)	(19)
Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		**10.397.965**	**(7.711.164)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(219.456)	(132.121)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		37.728	12.005
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		5.643	4.739
Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		**(176.085)**	**(115.377)**

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo) B04/TCTD-HN
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
Tiền thuần trong năm		**10.221.880**	**(7.826.541)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		**30.535.326**	**38.361.867**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**29**	**40.757.206**	**30.535.326**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Ông Trương Hoàng Tín Phó phòng Kế toán Tổng hợp & Thuế	Ông Lã Quang Trung Kế toán Trưởng	Ông Trần Tấn Lộc Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12203828/68772948-R

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Ngân hàng") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 76, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

A member firm of Ernst & Young Global Limited

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt và vàng	5	2.125.863	1.936.330
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	5.584.541	3.392.981
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		**26.046.802**	**25.206.015**
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	26.046.802	25.206.015
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	**120.182**	4.262
Cho vay khách hàng		**129.196.168**	**113.308.080**
Cho vay khách hàng	9	130.505.614	114.674.630
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10.1	(1.309.446)	(1.366.550)
Chứng khoán đầu tư		**16.074.579**	**15.880.578**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	2.112.868	7.354.411
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2	14.105.857	8.652.217
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	11.4	(144.146)	(126.050)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		**300.000**	300.000
Đầu tư vào công ty con	12.1	300.000	300.000
Tài sản cố định		**3.247.153**	**3.333.636**
Tài sản cố định hữu hình	*13.1*	*702.979*	*778.012*
Nguyên giá tài sản cố định		2.041.599	2.093.765
Hao mòn tài sản cố định		(1.338.620)	(1.315.753)
Tài sản cố định vô hình	*13.2*	*2.544.174*	*2.555.624*
Nguyên giá tài sản cố định		2.849.360	2.819.441
Hao mòn tài sản cố định		(305.186)	(263.817)
Tài sản Có khác		**2.613.778**	**2.715.754**
Các khoản phải thu	14.1	1.275.644	1.330.369
Các khoản lãi, phí phải thu	14.2	982.699	983.175
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	19.2	20.548	9.545
Tài sản Có khác	14.3	800.692	815.478
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.4	(465.805)	(422.813)
TỔNG TÀI SẢN		**185.309.066**	**166.077.636**

	Thuyết minh	*Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng*
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	**15**	**24.261**	**29.184**
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		24.261	29.184
Tiền gửi và vay các TCTD khác		**11.893.026**	**7.615.859**
Tiền gửi của các TCTD khác	16.1	9.421.326	7.615.859
Vay các TCTD khác	16.2	2.471.700	-
Tiền gửi của khách hàng	**17**	**148.814.016**	**137.541.655**
Các khoản nợ khác		**4.132.714**	**3.140.256**
Các khoản lãi, phí phải trả	18.1	2.490.182	2.301.486
Các khoản phải trả và công nợ khác	18.2	1.642.532	838.770
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**164.864.017**	**148.326.954**
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn			
Vốn điều lệ		12.355.229	12.355.229
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		15.396	15.396
Thặng dư vốn cổ phần		156.322	156.322
Cổ phiếu quỹ		(78.273)	(78.273)
Các quỹ dự trữ		**2.556.846**	**2.115.200**
Lợi nhuận chưa phân phối		**5.439.529**	**3.186.808**
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	**20.1**	**20.445.049**	**17.750.682**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**185.309.066**	**166.077.636**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

	Thuyết minh	*Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng*
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	32	34.267.028	57.310.697
- Cam kết giao dịch hối đoái		28.234.905	49.959.474
Cam kết mua ngoại tệ		*252.910*	*606.771*
Cam kết bán ngoại tệ		*315.673*	*112.459*
Cam kết giao dịch hoán đổi		*27.666.322*	*49.240.244*
- Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		1.975.802	3.587.696
- Bảo lãnh khác		3.884.758	3.597.539
- Các cam kết khác		171.563	165.988
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	33	26.073.275	16.225.692
Nợ khó đòi đã xử lý	34	12.804.171	12.853.285
Tài sản và chứng từ khác	35	344.993	398.233

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Ông Trương Hoàng Tín Phó phòng Kế toán Tổng hợp & Thuế	Ông Lã Quang Trung Kế toán Trưởng	Ông Trần Tấn Lộc Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03/TCTD

	Thuyết minh	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	12.170.179	10.084.491
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(6.587.308)	(6.568.077)
Thu nhập lãi thuần		**5.582.871**	**3.516.414**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.113.135	945.805
Chi phí hoạt động dịch vụ		(605.172)	(519.748)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**23**	**507.963**	**426.057**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**24**	**606.104**	**394.214**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**25**	**87.550**	**91.599**
Thu nhập từ hoạt động khác		528.672	268.260
Chi phí hoạt động khác		(73.098)	(25.452)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**26**	**455.574**	**242.808**
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	**27**	**5.643**	**67.950**
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		**7.245.705**	**4.739.042**
Chi phí cho nhân viên		(2.150.282)	(1.540.847)
Chi phí khấu hao		(139.781)	(144.374)
Chi phí hoạt động khác		(1.144.361)	(803.648)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	**28**	**(3.434.424)**	**(2.488.869)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**3.811.281**	**2.250.173**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(103.590)	(990.124)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		**3.707.691**	**1.260.049**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(774.317)	(203.010)
Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	19.2	11.003	(35.956)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**19.1**	**(763.314)**	**(238.966)**
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		**2.944.377**	**1.021.083**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Ông Trương Hoàng Tín Phó phòng Kế toán Tổng hợp & Thuế	Ông Lã Quang Trung Kế toán Trưởng	Ông Trần Tấn Lộc Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B04/TCTD

	Thuyết minh	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		12.137.627	10.171.222
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(6.451.917)	(6.686.471)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		507.963	426.057
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng, ngoại tệ		804.012	385.549
Chi phí khác		(16.602)	(8.521)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	26	469.632	247.063
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(2.941.369)	(2.309.498)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	19	(627.150)	(292.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		**3.882.196**	**1.932.942**
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		6.787.903	(1.068.814)
(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(115.920)	44.811
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(15.830.984)	(11.874.743)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(166.623)	(1.719.898)
Giảm khác về tài sản hoạt động		189.798	409.626
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
Giảm các khoản nợ NHNN Việt Nam		(4.923)	(4.621)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		4.277.167	1.295.497
Tăng tiền gửi của khách hàng		11.272.361	3.392.203
Tăng/(giảm) khác về nợ phải trả hoạt động		107.000	(181.359)
Chi từ các quỹ		(10)	(19)
Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		**10.397.965**	**(7.774.375)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(219.456)	(132.121)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		37.728	12.005
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	27	5.643	67.950
Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		**(176.085)**	**(52.166)**

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo) B04/TCTD
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
Tiền thuần trong năm		**10.221.880**	**(7.826.541)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		**30.535.326**	**38.361.867**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**29**	**40.757.206**	**30.535.326**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Ông Trương Hoàng Tín Phó phòng Kế toán Tổng hợp & Thuế	Ông Lã Quang Trung Kế toán Trưởng	Ông Trần Tấn Lộc Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023